



Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0200453688

ngày 27 tháng 6 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 27 tháng 6 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên
Ông Hoàng Trọng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Bạo	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc Kỹ thuật

Trụ sở đăng ký

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



(Handwritten signature)
Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 8 tháng 8 năm 2016

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600
Fax: +84 4 3946 1601
www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410, “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-130-b1



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		574.863.419.688	585.876.092.207
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	322.055.717.611	332.397.641.629
Tiền	111		62.980.217.611	76.505.141.629
Các khoản tương đương tiền	112		259.075.500.000	255.892.500.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.517.513.066	78.525.947.673
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	21.517.513.066	78.525.947.673
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124.569.170.543	92.980.974.388
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	109.883.475.475	81.639.368.446
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.869.478.209	4.145.522.828
Phải thu ngắn hạn khác	136		9.884.472.693	8.229.320.448
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.068.255.834)	(1.033.237.334)
Hàng tồn kho	140	7	13.442.549.804	9.960.417.201
Hàng tồn kho	141		13.442.549.804	9.960.417.201
Tài sản ngắn hạn khác	150		93.278.468.664	72.011.111.316
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		820.050.126	1.183.023.513
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		91.966.805.172	70.824.298.690
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		491.613.366	3.789.113

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.748.311.640.112	1.638.136.117.093
Các khoản phải thu dài hạn	210		291.066.000	291.066.000
Phải thu dài hạn khác	216		291.066.000	291.066.000
Tài sản cố định	220		1.092.392.260.988	958.833.168.642
Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.080.385.505.841	944.620.839.203
Nguyên giá	222		1.563.375.779.847	1.356.793.052.719
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(482.990.274.006)	(412.172.213.516)
Tài sản cố định vô hình	227	9	12.006.755.147	14.212.329.439
Nguyên giá	228		14.243.752.663	15.842.344.742
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.236.997.516)	(1.630.015.303)
Tài sản dở dang dài hạn	240		70.458.648.785	82.695.831.636
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	70.458.648.785	82.695.831.636
Đầu tư tài chính dài hạn	250		112.886.879.504	108.889.668.002
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	112.576.879.504	108.579.668.002
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	310.000.000	310.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		472.282.784.835	487.426.382.813
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	472.282.784.835	487.426.382.813
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.323.175.059.800	2.224.012.209.300

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		894.973.252.292	792.839.839.659
Nợ ngắn hạn	310		277.614.246.730	374.986.497.931
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	75.557.772.663	204.302.875.593
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.484.311.167	1.095.259.374
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	16.866.442.845	19.115.320.125
Phải trả người lao động	314		26.776.592.996	42.102.442.516
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	11.702.310.788	736.697.174
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	56.565.019.207	62.125.462.890
Vay ngắn hạn	320	16	36.330.160.000	7.012.140.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.982.000.000	3.982.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	48.349.637.064	34.514.300.259
Nợ dài hạn	330		617.359.005.562	417.853.341.728
Phải trả dài hạn khác	337		589.760.000	276.500.000
Vay dài hạn	338	16	616.769.245.562	417.576.841.728
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.428.201.807.508	1.431.172.369.641
Vốn chủ sở hữu	410	18	1.428.201.807.508	1.431.172.369.641
Vốn cổ phần	411	19	455.571.420.000	414.160.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		455.571.420.000	414.160.420.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	18	36.141.891.246	36.141.891.246
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	598.595.119.872	537.563.930.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	177.669.451.988	274.832.862.734
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		53.095.759.134	37.500.472.767
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		124.573.692.854	237.332.389.967
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	18	160.223.924.402	168.473.265.389
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.323.175.059.800	2.224.012.209.300

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bào
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	503.119.436.515	452.487.556.650
Giá vốn hàng bán	11		323.441.672.634	276.051.241.330
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		179.677.763.881	176.436.315.320
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	11.546.138.487	7.614.430.270
Chi phí tài chính	22	25	19.220.824.524	559.184.928
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>19.058.518.843</i>	<i>162.378.528</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		9.204.858.574	6.214.390.165
Chi phí bán hàng	25		5.412.838.182	3.799.274.103
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		24.599.923.561	17.167.127.343
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		151.195.174.675	168.739.549.381
Thu nhập khác	31		2.072.251.691	134.655.734
Chi phí khác	32		1.571.131.585	2.239.863.399
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		501.120.106	(2.105.207.665)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		151.696.294.781	166.634.341.716
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	23.068.942.914	30.951.353.844
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		128.627.351.867	135.682.987.872
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		124.573.692.854	135.780.366.235
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.053.659.013	(97.378.363)
				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.734	2.771

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
 Phó phòng Kế toán

Người duyệt:




Trần Xuân Bạo
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	151.696.294.781	166.634.341.716
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	86.013.760.055	32.318.452.046
Các khoản dự phòng	03	35.018.500	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	43.104.449	77.747.733
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.053.642.775)	(11.288.035.618)
Chi phí lãi vay	06	19.058.518.843	162.378.528
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	237.793.053.853	187.904.884.405
Biến động các khoản phải thu	09	(31.982.445.955)	31.423.712.205
Biến động hàng tồn kho	10	(3.482.132.603)	(1.890.809.722)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(81.162.631.631)	(135.746.979)
Biến động chi phí trả trước	12	6.654.222.776	6.526.042.831
		127.820.066.440	223.828.082.740
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.282.792.983)	(238.892.745)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.519.039.806)	(32.687.295.495)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	18.719.311.266	37.682.938.023
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.259.535.195)	(13.167.886.939)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	97.478.009.722	215.416.945.584
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(305.979.709.438)	(109.643.316.124)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	360.000.000	13.672.545.454
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(31.517.513.066)	3.701.735.989
Tiền bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	88.525.947.673	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(183.600.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	128.061.716.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	11.634.715.273	7.301.653.948
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(292.514.843.558)	(84.967.380.733)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	229.224.923.834	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(714.500.000)	-
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36	(41.372.023.750)	(17.473.435.325)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36	(2.303.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	184.835.400.084	(17.473.435.325)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(10.201.433.752)	112.976.129.526
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	332.397.641.629	216.024.629.908
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(140.490.266)	267.853
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	322.055.717.611	329.001.027.287

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 6 công ty con (1/1/2016: 7 công ty con) như sau:

	% sở hữu và quyền biểu quyết	
	30/6/2016	1/1/2016
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	100%	100%
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	65%	65%
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Tuyển T.S (*)	-	100%
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh	100%	100%
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	74%	65%

(*) Ngày 18 tháng 5 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc giải thể Công ty TNHH Tuyển T.S, một công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty và các công ty con có 2 công ty liên kết (1/1/2016: 3 công ty liên kết) như sau:

	Địa chỉ	30/6/2016		1/1/2016	
		Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết
Đầu tư góp vốn vào:					
• Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai (**)	Hải Phòng	-	-	49%	
• Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng	1.110.000	31%	1.110.000	31%
• Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Hải Phòng	8.820.200	22%	8.820.200	22%

(**) Ngày 23 tháng 6 năm 2016, Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh, một công ty con của Công ty, đã thanh lý toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty và các công ty con có 1.014 nhân viên (1/1/2016: 967 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty và các công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty và các công ty con, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty và các công ty con phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty và các công ty con trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 7 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 23 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 12 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 35 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty hoặc các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh kho bãi và cung cấp các dịch vụ bốc xếp, vận tải container và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	5.255.118.628	2.633.698.841
Tiền gửi ngân hàng	57.725.098.983	73.871.442.788
Các khoản tương đương tiền	259.075.500.000	255.892.500.000
	<hr/>	<hr/>
	322.055.717.611	332.397.641.629
	<hr/>	<hr/>

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	21.517.513.066	78.525.947.673
	<hr/>	<hr/>

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào:		
• Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai	-	3.061.716.000
• Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	12.210.000.000	12.210.000.000
• Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	100.366.879.504	93.307.952.002
	<hr/>	<hr/>
	112.576.879.504	108.579.668.002
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	30/6/2016 và 1/1/2016		
		% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:				
• Công ty TNHH MSC Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	10%	310.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam	8.002.204.598	7.963.587.548
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	7.613.624.721	5.505.268.102
Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Evergreen Việt Nam	13.564.882.428	12.997.042.673
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	4.059.451.347	3.388.406.270
Công ty TNHH Bia Carlsberg Việt Nam	4.382.561.389	1.620.316.443
Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam	6.564.605.390	4.769.633.817
Công ty TNHH Hanjin Shipping Việt Nam	4.257.707.491	152.824.098
Các khách hàng khác	61.438.438.111	45.242.289.495
	109.883.475.475	81.639.368.446

7. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Nguyên vật liệu	12.508.548.360	9.265.645.597
Công cụ và dụng cụ	370.885.590	149.252.590
Hàng hóa	563.115.854	545.519.014
	13.442.549.804	9.960.417.201

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	543.857.058.987	8.585.444.220	33.096.164.098	771.254.385.414	1.356.793.052.719
Tăng trong kỳ	-	347.345.000	-	9.015.897.858	9.363.242.858
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	165.821.725.669	3.340.125.649	5.032.488.271	22.710.362.125	196.904.701.714
Thanh lý	-	-	-	(1.523.809.523)	(1.523.809.523)
Phân loại lại	(19.619.746.874)	7.283.892.861	15.603.853.365	(1.429.407.273)	1.838.592.079
Số dư cuối kỳ	690.059.037.782	19.556.807.730	53.732.505.734	800.027.428.601	1.563.375.779.847
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	143.788.214.894	2.459.751.557	6.824.793.149	259.099.453.916	412.172.213.516
Khấu hao trong kỳ	23.046.878.466	937.086.696	3.305.301.971	44.853.865.380	72.143.132.513
Thanh lý	-	-	-	(1.523.809.523)	(1.523.809.523)
Phân loại lại	(183.940.888)	136.534.852	317.613.898	(71.470.362)	198.737.500
Số dư cuối kỳ	166.651.152.472	3.533.373.105	10.447.709.018	302.358.039.411	482.990.274.006
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	400.068.844.093	6.125.692.663	26.271.370.949	512.154.931.498	944.620.839.203
Số dư cuối kỳ	523.407.885.310	16.023.434.625	43.284.796.716	497.669.389.190	1.080.385.505.841

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 180.649 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 155.070 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 783.107 VND (1/1/2016: 626.827 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	5.355.027.273	10.487.317.469	15.842.344.742
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	240.000.000	240.000.000
Phân loại sang tài sản cố định hữu hình	-	(1.838.592.079)	(1.838.592.079)
Số dư cuối kỳ	5.355.027.273	8.888.725.390	14.243.752.663
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	1.630.015.303	1.630.015.303
Khấu hao trong kỳ	-	805.719.713	805.719.713
Phân loại sang tài sản cố định hữu hình	-	(198.737.500)	(198.737.500)
Số dư cuối kỳ	-	2.236.997.516	2.236.997.516
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.355.027.273	8.857.302.166	14.212.329.439
Số dư cuối kỳ	5.355.027.273	6.651.727.874	12.006.755.147

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu kỳ	82.695.831.636	5.652.438.424
Tăng trong kỳ	184.387.094.266	671.732.905.994
Chi phí lãi vay vốn hóa	981.328.995	6.982.087.696
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(196.904.701.714)	(592.363.661.339)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(240.000.000)	(9.307.939.139)
Biến động khác	(460.904.398)	-
Số dư cuối kỳ	70.458.648.785	82.695.831.636

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Cầu cảng giai đoạn 2 tại Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	53.166.142.308	77.789.588.624
Các công trình khác	17.292.506.477	4.906.243.012
	<hr/> 70.458.648.785	<hr/> 82.695.831.636

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	457.776.944.610	18.813.732.622	10.835.705.581	487.426.382.813
Tăng trong kỳ	4.212.559.240	10.431.204.530	3.535.626.841	18.179.390.611
Phân bổ trong kỳ	(13.064.907.829)	(11.162.996.015)	(9.095.084.745)	(33.322.988.589)
Số dư cuối kỳ	<hr/> 448.924.596.021	<hr/> 18.081.941.137	<hr/> 5.276.247.677	<hr/> 472.282.784.835

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Các bên liên quan		
▪ Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	10.403.809.984	15.850.750.680
Các bên thứ ba		
▪ Công ty Kocks Ardelt Kranbau GmbH	-	87.421.877.784
▪ Công ty Cargotec Belgium NV	-	27.897.403.100
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình thủy Cienco 1 - Hải Phòng	3.954.672.919	11.867.951.627
▪ Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	8.919.589.867	11.006.744.137
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	5.708.970.246	3.223.038.850
▪ Cty TNHH Xây dựng và Trang trí Nội thất Thăng Long	6.603.902.484	6.792.148.719
▪ Các nhà cung cấp khác	39.966.827.163	40.242.960.696
	<hr/> 75.557.772.663	<hr/> 204.302.875.593

Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ đã được khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.073.979.917	40.034.959.749	(38.950.241.863)	2.158.697.803
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.808.229.042	23.068.942.914	(26.519.039.806)	10.358.132.150
Thuế thu nhập cá nhân	394.706.373	2.578.641.007	(1.679.501.683)	1.293.845.697
Các loại thuế khác	3.838.404.793	23.019.602.873	(23.802.240.471)	3.055.767.195
	19.115.320.125	88.702.146.543	(90.951.023.823)	16.866.442.845

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí lãi vay	10.757.054.855	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	945.255.933	736.697.174
	11.702.310.788	736.697.174

15. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Kinh phí công đoàn	4.506.660.501	4.466.771.369
Cổ tức phải trả	662.298.675	618.280.425
Các khoản thu hộ hãng tàu	42.849.196.876	53.379.996.481
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.546.863.155	3.660.414.615
	56.565.019.207	62.125.462.890

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay 1 (i)	USD	4%	2017	9.472.160.000	9.556.960.000
Khoản vay 2 (ii)	VND	7%	2019	9.285.500.000	10.000.000.000
Khoản vay 3 (iii)	VND	6,8%	2025	634.341.745.562	405.032.021.728
				653.099.405.562	424.588.981.728
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(36.330.160.000)	(7.012.140.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				616.769.245.562	417.576.841.728

- (i) Khoản vay này được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 38.177 triệu VND (1/1/2016: 41.273 triệu VND).
- (ii) Khoản vay này được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu và được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao Xanh có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 14.622 triệu VND (1/1/2016: 6.951 triệu VND).
- (iii) Khoản vay này được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 730.307 triệu VND (1/1/2016: 578.603 triệu VND).

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	34.514.300.259	39.650.610.822
Trích lập trong kỳ	27.094.872.000	23.881.991.816
Sử dụng trong kỳ	(13.259.535.195)	(13.167.886.939)
Số dư cuối kỳ	48.349.637.064	50.364.715.699

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	345.415.410.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	435.340.718.031	250.789.157.324	157.500.000.000	1.215.880.558.885
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	135.780.366.235	(97.378.363)	135.682.987.872
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	102.223.212.241	(102.223.212.241)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(23.881.991.816)	-	(23.881.991.816)
Cổ tức	68.745.010.000	-	-	-	(85.932.480.500)	-	(17.187.470.500)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.251.000.000)	-	(1.251.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2015	414.160.420.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	537.563.930.272	173.280.839.002	157.402.621.637	1.309.243.084.441
Số dư tại ngày 1/1/2016	414.160.420.000	36.141.891.246	-	537.563.930.272	274.832.862.734	168.473.265.389	1.431.172.369.641
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	124.573.692.854	4.053.659.013	128.627.351.867
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	61.031.189.600	(61.031.189.600)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(27.094.872.000)	-	(27.094.872.000)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	41.411.000.000	-	-	-	(82.827.042.000)	(2.303.000.000)	(43.719.042.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(2.184.000.000)	-	(2.184.000.000)
Ảnh hưởng của giao dịch chuyển nhượng vốn giữa các cổ đông của công ty con	-	-	-	-	(48.600.000.000)	(10.000.000.000)	(58.600.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2016	455.571.420.000	36.141.891.246	-	598.595.119.872	177.669.451.988	160.223.924.402	1.428.201.807.508

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2016		30/6/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	41.416.042	414.160.420.000	34.541.541	345.415.410.000
Phát hành cổ phiếu trong kỳ để trả cổ tức (Thuyết minh 20)	4.141.100	41.411.000.000	6.874.501	68.745.010.000
Số dư cuối kỳ	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000

20. Cổ tức

Ngày 25 tháng 3 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền cho năm 2015 với mức 10% mệnh giá cổ phần (1.000 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 41.416 triệu VND.

Ngày 25 tháng 3 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phần. Ngày 20 tháng 6 năm 2015, Công ty đã phát hành 4.141.100 cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.868.124.800	5.868.124.800
Trong vòng hai đến năm năm	16.965.263.638	18.258.139.200
Sau năm năm	27.980.250.155	29.606.255.507
	<hr/>	<hr/>
	50.813.638.593	53.732.519.507
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.522.281	34.059.091.133	1.456.748	32.717.050.908
EUR	13.654	344.460.540	-	-
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	5.438.266.767	8.511.036.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	7.788.784.201	4.601.653.948
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.700.000.000	2.700.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.057.354.286	312.776.322
	<hr/>	<hr/>
	11.546.138.487	7.614.430.270
	<hr/>	<hr/>

25. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.058.518.843	162.378.528
Lỗ chênh lệch tỷ giá	162.305.681	396.806.400
	<hr/>	<hr/>
	19.220.824.524	559.184.928
	<hr/>	<hr/>

26. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	24.262.972.104	27.631.369.112
Chi phí nhân công	76.431.967.933	68.573.987.571
Chi phí khấu hao và phân bổ	86.013.760.055	32.318.452.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.592.868.812	142.476.930.633
Chi phí khác	21.152.865.473	26.016.903.414
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	151.696.294.781	166.634.341.716
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	30.339.258.956	36.659.555.178
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi	(5.350.729.426)	(4.333.296.998)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	521.318.153	286.875.308
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(2.440.904.769)	(1.960.783.253)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	299.003.609
	23.068.942.914	30.951.353.844

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong năm 2016 (năm 2015: 20% trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động kinh doanh cầu cảng số 2 thuộc Xí nghiệp Cảng Viconship và 22% trên lợi nhuận tính thuế của các hoạt động khác).

Theo Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh (“GLC”) và Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“VGP”), hai công ty con của Công ty, có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2013 đến năm 2027 đối với GLC và từ năm 2016 đến năm 2030 đối với VGP), và được miễn thuế thu nhập trên lợi nhuận tính thuế trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2013 đến năm 2016 đối với GLC và từ năm 2016 đến năm 2019 đối với VGP) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Các công ty con còn lại có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi trong năm 2016 là 20% (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	124.573.692.854	135.780.366.235
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(9.550.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	124.573.692.854	126.230.366.235

(*) Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	41.416.042	34.541.541
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại ngày 20 tháng 6 năm 2016	4.141.100	-
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại ngày 9 tháng 6 năm 2015	-	6.874.501
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	45.557.142	41.416.042

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Trong kỳ, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 20). Do vậy, số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được điều chỉnh lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	41.416.042	3.048
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	4.141.100	(277)
Số điều chỉnh lại	45.557.142	2.771

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Công ty liên kết <i>Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ</i> Sử dụng dịch vụ	19.401.231.453	35.781.575.846
Thành viên Ban Giám đốc Tiền lương và thưởng	1.673.117.182	1.543.294.991
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Thù lao	2.184.000.000	1.251.000.000

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Trả cổ tức thông qua phát hành cổ phiếu phổ thông	41.411.000.000	68.745.010.000

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc